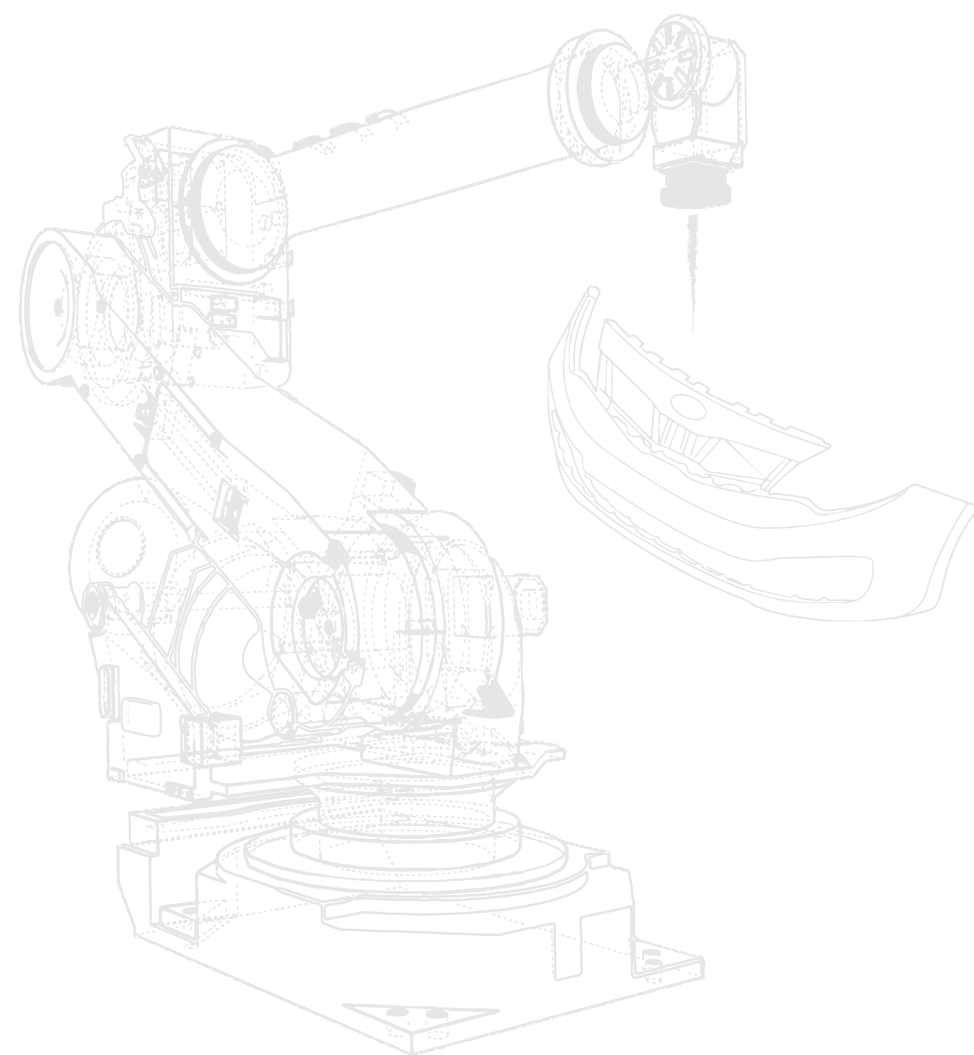


THACO
INDUSTRIES

THACO PLASTIC PROFILE



CÔNG TY SẢN XUẤT LINH KIỆN NHỰA THACO
THACO PLASTIC COMPONENTS MANUFACTURING LLC
KCN THACO Chu Lai, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam
Thaco Chu Lai IZ, Núi Thành Dist., Quang Nam Province, Vietnam
☎ (+84) 235 3 460 470 - 933 806 146 ✉ partsales@thaco.com.vn



Thành lập | Establishment:

Tháng 10/ 2017

October 2017



Công suất | Capacity:

8 triệu sản phẩm/ năm

8 million products per year



Diện tích | Area:

4 hectares



Vốn đầu tư | Total investment:

35 triệu USD

USD 35 million



Chứng nhận | Certificates

ISO/ IATF 16949:2016

ISO 14001:2015

ISO 9001:2015

Nhà máy sản xuất Linh kiện nhựa THACO được xây dựng trên diện tích hơn 4ha với tổng vốn đầu tư gần 35.000.000 USD, công suất đạt hơn 8.000.000 sản phẩm/năm, trong đó;

Ép phun nhựa : 6.000.000 sản phẩm/ năm

Thổi nhựa: 350.000 sản phẩm/ năm

Đùn nhựa: 1.500.000 mét/ năm

Sơn linh kiện nhựa: 450.000 bộ/ năm

Nhà máy được đầu tư hệ thống dây chuyền sản xuất khép kín và xuyên suốt từ đầu vào đến đầu ra, với 4 công nghệ chính: ép phun nhựa, sơn linh kiện nhựa, đùn nhựa, thổi nhựa cùng hàng loạt máy móc thiết bị hiện đại nhập khẩu từ Áo, Hàn Quốc, Nhật Bản.

Sản phẩm của nhà máy đáp ứng nhu cầu cung ứng các chi tiết linh kiện nhựa, linh kiện nội - ngoại thất cho các dòng xe tải, xe bus và xe du lịch của THACO, đồng thời xuất khẩu sang thị trường Malaysia, Hàn Quốc và Nga.

Sự ra đời của nhà máy Linh kiện Nhựa giúp THACO chủ động trong sản xuất, lắp ráp linh kiện nhựa, đáp ứng nhu cầu nội địa hóa nói riêng và nhu cầu cung ứng linh kiện nhựa trong nước nói chung, góp phần tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

THACO Plastic Components Manufacturing Company was built on an area of 4 hecta with total investment capital of USD 35,000,000 and capacity of 8,000,000 products per year, in which:

Product of plastic components: 6,000,000 units/ year

Plastic blowing production: 350,000 units/ year

Plastic extrusion: 1,500,000 meters/ year

Painting plastic components: 450,000 units/ year

The factory is invested with a closed production line system, from input to output, with 4 main technologies: plastic injection, painting of plastic components, plastic extrusion, plastic blowing, and many modern types of machinery and equipment which are imported from Austria, Korea, and Japan.

The factory's products meet the demand of supplying plastic components, interior and exterior components for THACO's trucks, buses, and passenger cars, and are also exported to Malaysia, Korea, and Russia.

The establishment of Plastic Components Manufacturing Company supported THACO in proactive manufacturing, assembling plastic components for cars to increase the localization rate in particular and joint into domestic plastic demand in general, contributes to increase the competitiveness of THACO products in the market.

2022



Công ty TNHH Sản xuất LKN THACO nâng cấp xưởng sơn, gia công sơn linh kiện nhựa xe máy và xe Tải.

THACO Plastic manufacturing company Ltd upgraded painting shop, processed plastic painting shop for motorbike and truck components

2017



Mở rộng diện tích 6 ha, số vốn đầu tư là 70 tỷ đồng, công suất đạt 5 triệu sản phẩm/năm. Đầu tư máy ép phun 3,200T lớn thứ nhì Đông Nam Á.

Expanded company area of 6 hectares, total investment USD 3.2 million, capacity of 5 million sets/year. Invested in 3,200 tons injection machine- the second largest machine in Southeast Asia

2012



Mở rộng nhà xưởng lên 4 ha, đầu tư thêm dây chuyền đùn nhựa và thổi nhựa

The factory is expanded to 4 ha and invested in plastic extrusion and plastic blowing lines.

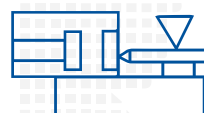
2019



Thành lập Công ty sản xuất LKN THACO với diện tích 3,5 ha, vốn đầu tư 30 triệu USD. Chuyên sản xuất các sản phẩm Nhựa ép phun và gia công sơn linh kiện nhựa ô tô du lịch.

Established THACO Plastic manufacturing company Ltd in the area of 3.5ha, capital of USD 30 million. Specializes in manufacturing plastic injection products and automotive plastic parts painting.

2014



Thành lập nhà máy Nhựa
Established Plastic company

SẢN PHẨM PRODUCTS

Công ty sản xuất và cung ứng các sản phẩm nhựa chất lượng cao, độ chi tiết phức tạp, đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong nước và xuất khẩu.

The company manufactures and supplies high-quality, complicated details products that meet the demand of all customers in domestic and export markets



■ LINH KIỆN NHỰA XE BUS | PLASTIC COMPONENTS FOR BUS



MẢNG TAPLO XE BUS
DASHBOARD PANEL FOR BUS

Vật liệu/ Material: Nhựa PP/ PP plastic
Kích thước/ Dimension: 720x535x250 (mm)
Ưu điểm/ Strong points: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn QCVN53:2019/BGTVT về khả năng chống cháy vật liệu/ Products meet QCVN53: 2019 BGTVT standards on fire resistance of materials
Thời gian phát triển/ Development lead time: 6 tháng/ 6 months



ỐP TỰA LƯNG GHẾ XE UNIVERSE
UNIVERSE SEATING COVER

Vật liệu/ Material: Nhựa ABS/ ABS plastic
Kích thước/ Dimension: 750x413x140 (mm)
Ưu điểm/ Strong points: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn QCVN 53:2019/BGTVT về khả năng chống cháy vật liệu/ Products meet QCVN 53:2019/BGTVT standards on fire resistance of materials.
Thời gian phát triển/ Development lead time: 6 tháng/ 6 months



CHỤP MÂM XE BUS
BUS WHEEL RIM COVER

Vật liệu/ Material: Nhựa PA6/ PA6 plastic
Kích thước/ Dimension: Ø600x80 (mm)
Ưu điểm/ Strong points: Chịu được nhiệt độ cao, độ dẻo dai và mài mòn cao/ High temperature resistance, high toughness and abrasion
Thời gian phát triển/ Development lead time: 3 tháng/ 3 months

■ LINH KIỆN NHỰA XE DU LỊCH | PLASTIC COMPONENTS FOR PASSENGER CAR



CẢN XE KIA SONET
KIA SONET BUMPER

Vật liệu/ Material: Nhựa TPO/ TPO Plastic
Kích thước/ Dimension: 1,800x650x520 mm
Ưu điểm/ Strong points: Độ dẻo dai, chịu nhiệt độ môi trường, chịu lão hóa tốt/ Toughness, good environmental temperature and aging resistance.
Thời gian phát triển/ Development lead time: 6 tháng/ 6 months



CẢN XE KIA K3
KIA K3 BUMPER

Vật liệu/ Material: Nhựa TPO/ TPO plastic
Kích thước/ Dimension: 1,700x800x550 (mm)
Ưu điểm/ Strong points: Độ dẻo dai, chịu nhiệt độ môi trường, chịu lão hóa tốt/ Toughness, good environmental temperature and aging resistance.
Thời gian phát triển/ Development lead time: 6 tháng/ 6 months



ỐP KHOANG HÀNH LÝ
LUGGAGE COMPARTMENT

Vật liệu/ Material: Nhựa PP/ PP plastic
Kích thước/ Dimension: 1,390x745x300 (mm)
Ưu điểm/ Strong points: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn QCVN 53:2019/BGTVT về khả năng chống cháy vật liệu/ Products meet QCVN 53:2019/BGTVT standards on fire resistance of materials.
Thời gian phát triển/ Development lead time: 6 tháng/ 6 months

■ LINH KIỆN NHỰA XE DU LỊCH | PLASTIC COMPONENTS FOR PASSENGER CAR



CẢN XE HYUNDAI ACCENT HYUNDAI ACCENT BUMPER

Vật liệu/ Material: Nhựa TPO/ TPO plastic

Kích thước/ Dimension: 1,680x700x700 mm

Ưu điểm/ Strong points: Độ dẻo dai, chịu nhiệt độ môi trường, chịu lão hóa tốt/ Toughness, good environmental temperature and aging resistance.

Thời gian phát triển/ Development lead time:
6 tháng/ 6 months



CẢN XE HYUNDAI AI3 (GRAND I10) HYUNDAI AI3 (GRAND I10) BUMPER

Vật liệu/ Material: Nhựa TPO/ TPO plastic

Kích thước/ Dimension: 1,673x516x590 mm

Ưu điểm/ Strong points: Độ dẻo dai, chịu nhiệt độ môi trường, chịu lão hóa tốt/ Toughness, environmental temperature, good aging resistance.

Thời gian phát triển/ Development lead time:
6 tháng/ 6 months



ỐP CẢN SAU XE HYUNDAI ACCENT HYUNDAI ACCENT REAR BUMPER COVER

Vật liệu/ Material: Nhựa TPO/ TPO plastic

Kích thước/ Dimension: 1,716x630x200 mm

Ưu điểm/ Strong points: Độ dẻo dai, chịu lão hóa tốt/ Toughness, good aging resistance.

Thời gian phát triển/ Development lead time:
6 tháng/ 6 months

■ LINH KIỆN NHỰA XE DU LỊCH | PLASTIC COMPONENTS FOR PASSENGER CAR



ỐP DƯỚI CẢN SAU XE TOYOTA D33H TOYOTA D33H REAR BUMPER COVER LOWER

Vật liệu/ Material: Nhựa PP+E/P-TD20/ PP+E/P-TD20 Plastic

Kích thước/ Dimension: 1,712x503x180 mm

Ưu điểm/ Strong points: Chịu nhiệt độ môi trường, độ chính xác đến +/-0.067 mm/ Environmental temperature resistance, accurate tolerance: +/-0.067 mm.

Thời gian phát triển/ Development lead time:
4 tháng/ 4 months



ỐP LƯỜN HÔNG XE TOYOTA D33H TOYOTA D33H MUDGUARD SUB – ASSY

Vật liệu/ Material: Nhựa PP+E/P-TD20/ PP+E/P-TD20 Plastic

Kích thước/ Dimension: 1,997x131x94 mm

Ưu điểm/ Strong points: Chịu nhiệt độ môi trường, độ chính xác đến +/-0.067 mm/ Environmental temperature resistance, accurate tolerance: +/-0.067 mm

Thời gian phát triển/ Development lead time:
4 tháng/ 4 months



ỐP CHE KẾT NƯỚC XE TOYOTA 824W TOYOTA 824W DELECTOR RADIATOR

Vật liệu/ Material: Nhựa PP (TJ530)/ PP (TJ530) Plastic

Kích thước/ Dimension: 435x385x170 mm

Ưu điểm/ Strong points: Chịu nhiệt độ môi trường, độ chính xác đến +/-0.067 mm/ Environmental temperature resistance, accurate tolerance: +/-0.067 mm

Thời gian phát triển/ Development lead time:
3 tháng/ 3 months

■ LINH KIỆN NHỰA XE TẢI | PLASTIC COMPONENTS FOR TRUCK



**CẢN TRƯỚC XE KIA NEW FRONTIER
KIA NEW FRONTIER FRONT BUMPER**

Vật liệu/ Material: Nhựa TPO/ TPO plastic
Kích thước/ Dimension: 1,170x650x530 (mm)
Ưu điểm/ Strong points: Độ dẻo dai, chịu nhiệt độ môi trường, chịu lão hóa tốt/ Toughness, good environmental temperature and good aging resistance.
Thời gian phát triển/ Development lead time: 6 tháng/ 6 months



**CHỤP MÂM XE TẢI
TRUCK WHEEL RIM COVER**

Vật liệu/ Material: Nhựa PA6/ PA6 plastic
Kích thước/ Dimension: Ø343x50 (mm)
Ưu điểm/ Strong points: Chịu được nhiệt độ cao, độ dẻo dai và mài mòn cao/ High temperature resistance, high toughness and abrasion
Thời gian phát triển/ Development lead time: 3 tháng/ 3 months



**ỐP LOGO
FRONT GRILL BUMPER**

Vật liệu/ Material: Nhựa ABS/ ABS plastic
Kích thước/ Dimension: 815x145x10 (mm)
Ưu điểm/ Strong points: Độ va đập, chịu nhiệt cao, cách nhiệt tốt/ Impact, high heat resistance, good insulation
Thời gian phát triển/ Development lead time: 3 tháng/ 3 months

■ LINH KIỆN NHỰA CÔNG NGHIỆP | PLASTIC COMPONENTS FOR INDUSTRIAL



**LỖI NHỰA ỐNG CHỈ
PLASTIC CORE SPUN THREAD**

Vật liệu/ Material: Nhựa PP/ PP Plastic
Màu sắc/ Colours: Xanh, đỏ, vàng/ blue, red, yellow
Ưu điểm/ Strong points: Lõi nhựa đảm bảo về chất lượng, được dùng trong ngành dệt may/ Plastic core with high quality, is used in the textile industry.
Thời gian phát triển/ Development lead time: 2 tháng/ 2 months



**BỒN NHỰA
PLASTIC SINK**

Vật liệu/ Material: Nhựa PP/ PP plastic
Kích thước/ Dimension: 592x582x379 (mm)
Ưu điểm/ Strong points: Chịu va đập, tải trọng cao/ Impact resistance, high loading
Thời gian phát triển/ Development lead time: 4 tháng/ 4 months



**ỐP THÔNG GIÓ
ROTARY VENT**

Vật liệu/ Material: Nhựa PP/ PP plastic
Kích thước/ Dimension: Ø225 mm
Ưu điểm/ Strong points: Lưu thông không khí trong và ngoài xe ô tô, chịu được nhiệt độ cao/ Circulate air inside/outside the car, high temperatures resistance.
Thời gian phát triển/ Development lead time: 5 tháng/ 5 months

PALLET NHỰA
PLASTIC PALLET



PALLET NHỰA
PLASTIC PALLET

Vật liệu/ Material: Nhựa PP/ PP plastic
Kích thước/ Dimension: 1,100 x 1,100 x 125 (mm)
Trọng lượng/ Weight: 7.0 ÷ 8.0 kg
Tải trọng động, tĩnh/ Dynamic, static load:
1.000/ 3.000kg

PALLET NHỰA CÔNG NGHIỆP
INDUSTRIAL PLASTIC PALLET

Vật liệu/ Material: HDPE/ PP plastic
Kích thước/ Dimension: 1,100 x 1,100 x 125 (mm)
Trọng lượng/ Weight: 7.0 ÷ 8.0 kg
Tải trọng động, tĩnh/ Dynamic, static load:
1.000/ 3.000kg

PALLET NHỰA CÔNG NGHIỆP
INDUSTRIAL PLASTIC PALLET

Vật liệu/ Material: HDPE/ PP plastic
Kích thước/ Dimension: 1,200 x 1,100 x 125 (mm)
Trọng lượng/ Weight: 7.0 ÷ 8.0 kg
Tải trọng động, tĩnh/ Dynamic, static load:
1.000/ 3.000kg



PALLET DÙNG CHO XE ĐẨY CÔNG NGHIỆP
PALLET FOR INDUSTRIAL TROLLEYS



PALLET DÙNG ĐỂ LƯU KHO, VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA
PALLET FOR STORAGE, TRANSPORTATION OF GOODS



PHỤ KIỆN DÙNG CHO XE DU LỊCH | PASSENGER CAR COMPONENTS



SẠC KHÔNG DÂY WIRELESS CHARGER

Vật liệu/ Material: Nhựa PP có bao gồm mạch điện/ PP plastic including electric circuit

Kết nối đơn giản với xe bằng cổng sạc/ Simply connect to car through charging port

Thời gian phát triển/ Development lead time:
2 tháng/ 2 months



Biên dạng thiết kế theo từng loại xe,
Lắp ráp dễ dàng qua cổng sạc 12v
Designed for each model, easy install via 12v
charging port



Mạch điện nhập khẩu, dùng được cho tất cả các loại
điện thoại có chức năng sạc không dây.
Imported electrical circuit, suitable for all kind of
phone that having wireless charging function



Bố trí công tắc on/off theo mục đích sử dụng
Arrange switch on/off according to the using purpose



Không ảnh hưởng đến độ bền điện thoại
Do not affect phone durability

LINH KIỆN NHỰA XE KIA | KIA COMPONENTS



Cản trước
Front bumper



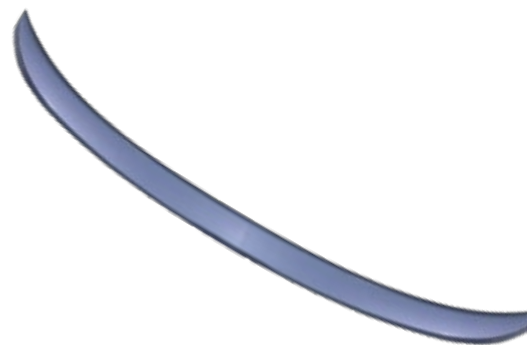
Cản sau
Rear bumper



Tay nắm cửa
Lever assy handle



Áp kính chiếu hậu
Mirror cover



Cánh lướt gió
Spoiler



Chụp anten
Antenna-assy

SẢN PHẨM NHỰA GIA CÔNG SƠN VÀ LẮP RÁP

PLASTIC PAINTING PROCESSING & ASSEMBLING PRODUCTS

■ LINH KIỆN NHỰA XE MAZDA | MAZDA COMPONENTS



Cản trước
Front bumper



Cản sau
Rear bumper



Ốp kính chiếu hậu
Panel-mirror



Tay nắm cửa
Lever assy-handle



Áp cản trước
Grille front up



Nẹp logo
Garnish



Nẹp cốp sau
Finisher



Cánh lướt gió
Spoiler

SẢN PHẨM NHỰA GIA CÔNG SƠN VÀ LẮP RÁP

PLASTIC PAINTING PROCESSING & ASSEMBLING PRODUCTS

■ LINH KIỆN NHỰA XE PEUGEOT | PEUGEOT COMPONENTS



Cản trước
Front bumper



Cốp sau
Tailgate



Cản sau
Rear bumper



Ốp cốp
Flap pull handle finisher



Ốp biển số
Number plate light finisher



Ốp che đèn xe
Pront Handlebars cover



Ốp che tay lái phía trước
Front handle bar cover ass'y



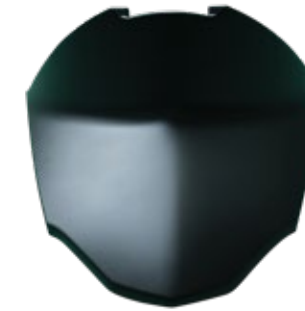
Ốp che đồng hồ tốc độ
Speedometer cover ass'y



Ốp cản trước
Front Shield



Ốp cản phía sau
Rear shield ass'y



Ốp che giữa
Front underseat cover



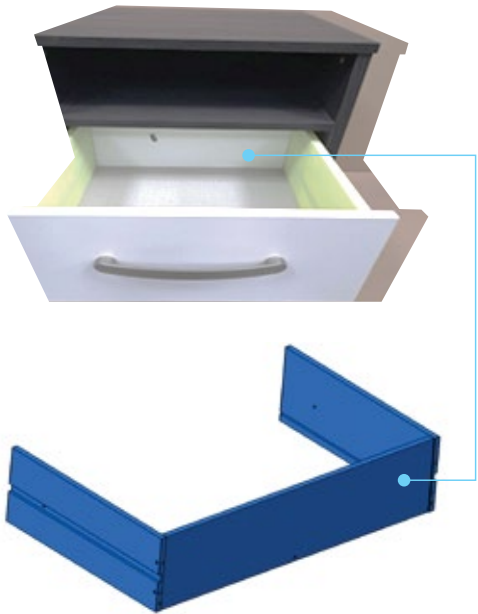
Ốp hông
Left body side



Ống nhựa HDPE

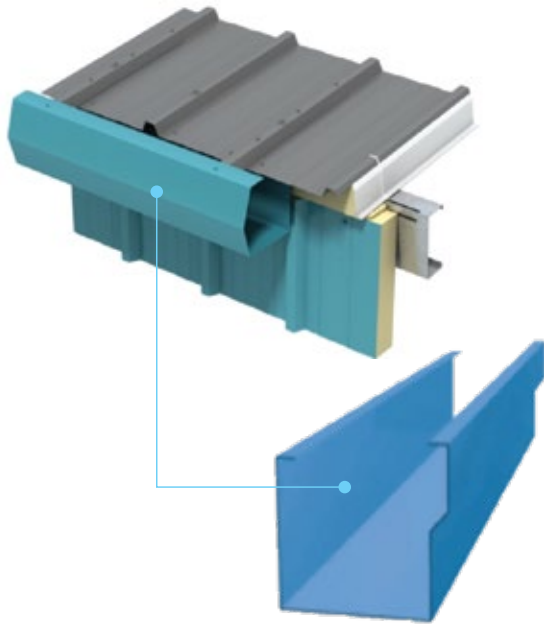
HDPE plastic pipe

QUY CÁCH SẢN PHẨM/ PRODUCT SPECIFICATION			
Áp suất danh nghĩa Nominal Pressure	6 bar	8 bar	10 bar
Đường kính danh nghĩa Nominal diameter - DN (mm)	Độ dày thành ống Pipe wall thickness - e (mm)		
Ø355 mm	13.6	16.9	21.1
Ø400 mm	15.3	19.1	23.7
Ø450 mm	17.2	21.5	26.7
Ø500 mm	19.1	23.9	29.7
Ø560 mm	21.4	26.7	33.2
Ø630 mm	24.1	30.0	37.4
Ø710 mm	27.2	33.9	42.1
Ø800 mm	30.6	38.1	47.4



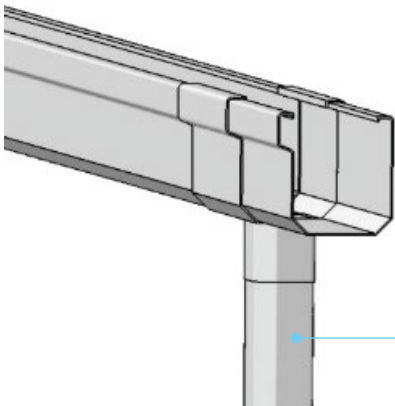
Thanh ngăn kéo hộc tủ

Wall cabinet drawer



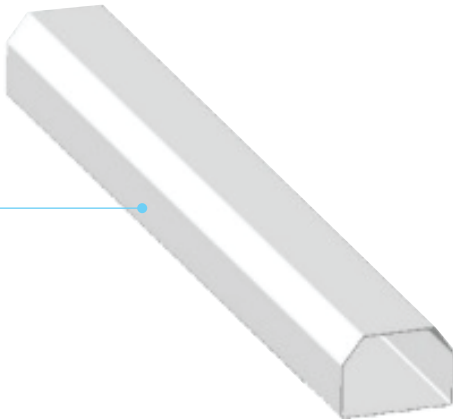
Máng xối

Gutter



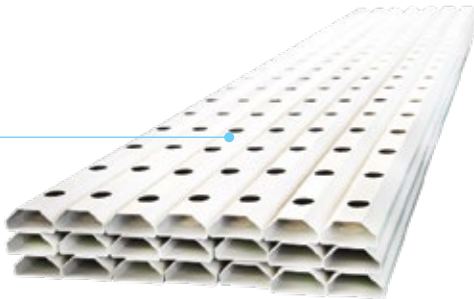
Bộ máng xối

Gutter set



Ống xối biên

Edging gutter



Ống nhựa thủy canh

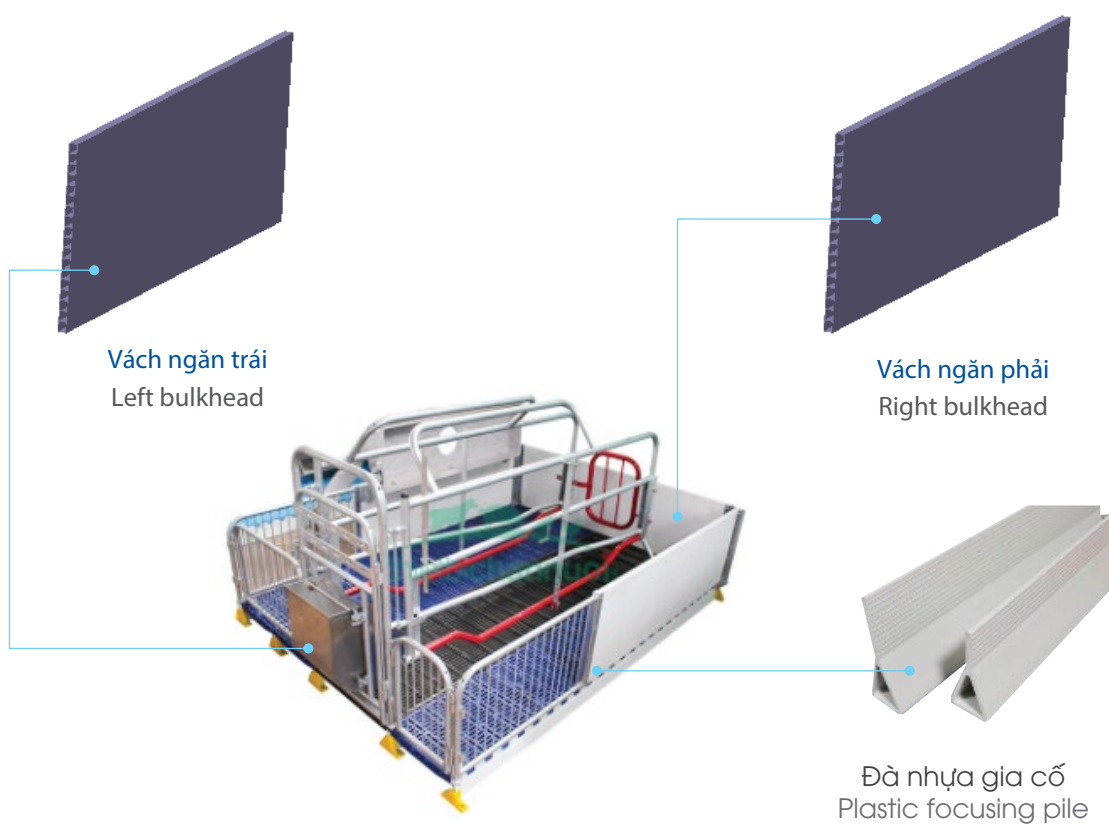
Hydroponic plastic tube



Roan cửa thùng
Seal door of box

Diềm bao ngoài
Curtain piece

SẢN PHẨM PROFILE THÙNG XE TẢI
THE PRODUCTS OF THE TRUCK CABIN



Vách ngăn trái
Left bulkhead

Vách ngăn phải
Right bulkhead

Đà nhựa gia cố
Plastic focusing pile

SẢN PHẨM NHỰA ĐÙN TRONG CHĂN NUÔI
THE PLASTIC EXTRUDING PRODUCTS IN BREEDING INDUSTRY



Cánh hướng gió
Spoiler



Chai nhựa 1 lít
1L bottle



Chai nhựa 5 lít
5L bottle

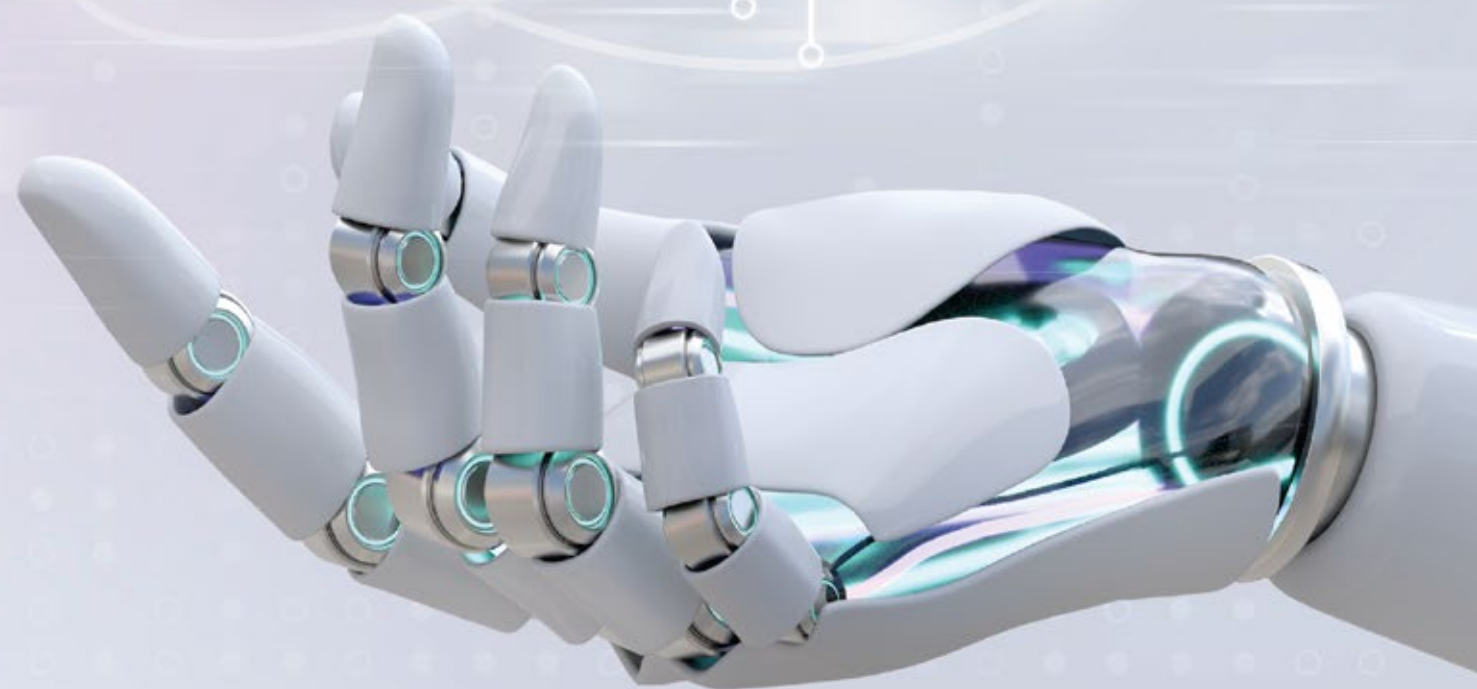


Can nhựa 20 lít, 25 lít
20L, 25L can



Hộp đựng dụng cụ
Tool box

CÔNG NGHỆ TECHNOLOGY



CÔNG NGHỆ ÉP PHUN NHỰA PLASTIC INJECTION MOLDING TECHNOLOGY

DÂY CHUYỀN ÉP PHUN NHỰA | PLASTIC INJECTION LINE



MÁY ÉP 3200T | 3200 TONS INJECTION MACHINE

- ▶ Kích thước/ Dimension: 17 x 5 m
- ▶ Áp suất phun/ Injection pressure: 200 Kg/cm²
- ▶ Năng suất/ Productivity: 120,000 Unit/year
- ▶ Lực kẹp khuôn/ Clamping Force: 3,200 tons

- Công nghệ chuyển giao từ Áo, chế độ sấy nhựa tự động và hệ thống tự cấp vật liệu.
Technology were transferred from Austrian; automatic resin drying mode and automatic material feeding system.
- Màn hình cảm ứng dùng để điều khiển các hoạt động
Touch screen control monitor



Thiết bị đục lỗ cảm biến cần Kia Cerato
Hole punching equipment for Kia Cerato's bumper



Robot đục lỗ cảm biến cần xe Mazda
Hole punching robot for Mazda's bumper

DÂY CHUYỀN ÉP PHUN NHỰA

PLASTIC INJECTION LINE



MÁY ÉP 2000 TẤN | 2000 TONS INJECTION MACHINE

- | | |
|--|---|
| <div> <div>▶ Kích thước/ Dimension:</div> <div>15.5 x 4.5 m</div> </div> <div> <div>▶ Áp suất phun/ Injection pressure:</div> <div>235 Bars</div> </div> <div> <div>▶ Năng suất/ Productivity:</div> <div>90 secs/Unit</div> </div> <div> <div>▶ Công suất/ Capacity:</div> <div>120,000 Units/Year</div> </div> | <div> <div>▶ Lực ép/ Clamping Force</div> <div>: 2,000 tons</div> </div> <div> <div>▶ Sản phẩm/ Product:</div> <div>Bồn nhựa, Ốp cản sau xe du lịch/ Plastic sink, rear bumper cover</div> </div> <div> <div>▶</div> <div>Pallet/ Plastic Pallet</div> </div> |
|--|---|



MÁY ÉP 850 TẤN | 850 TONS INJECTION MACHINE

- | | |
|---|---|
| <div> <div>▶ Kích thước/ Dimension:</div> <div>9.5x3.4x2.5 m</div> </div> <div> <div>▶ Áp suất phun/ Injection pressure:</div> <div>195 Bars</div> </div> <div> <div>▶ Năng suất/ Productivity:</div> <div>60 secs/Unit</div> </div> <div> <div>▶ Công suất/ Capacity:</div> <div>120,000 Units/Year</div> </div> | <div> <div>▶ Lực ép/ Clamping Force</div> <div>: 850 tons</div> </div> <div> <div>▶ Sản phẩm/ Product:</div> <div>Dành cho xe bus/ For bus: Lưới tản nhiệt, chụp mâm,.../ Grille, wheel rim cover,...</div> </div> <div> <div>▶</div> <div>Dành cho xe tải/ For truck: Mặt ga lăng, vè chắn bùn,.../ Front grille bumper, mudguard cover,...</div> </div> |
|---|---|

DÂY CHUYỀN ÉP PHUN NHỰA

PLASTIC INJECTION LINE



Máy ép 650 tấn

650 tons injection machine

Máy ép 380 tấn

380 tons injection machine

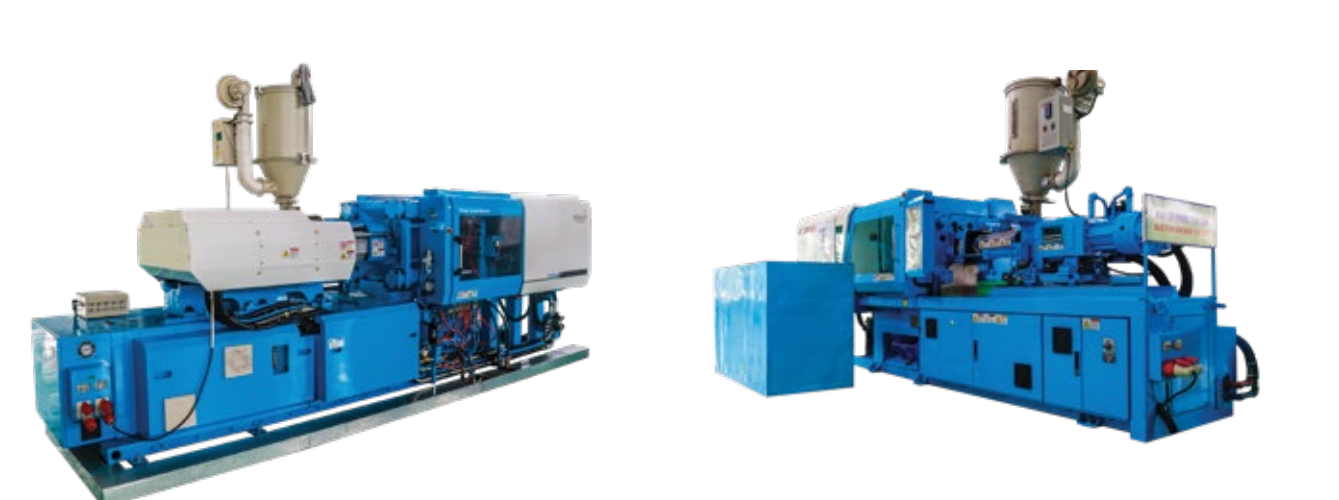


Máy ép 250 tấn

250 tons injection machine

Máy ép 240 tấn

240 tons injection machine



Máy ép 200 tấn

200 tons injection machine

Máy ép 110 tấn

110 tons injection machine

■ DÂY CHUYỀN ROBOT SƠN | ROBOT PAINTING LINE



Công nghệ sơn robot đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng các màu sơn cao cấp của Mazda (Nhật Bản), Peugeot (Pháp), BMW (Đức).

Robotic Painting technology meets the quality standards of premium paint colors from Mazda (Japan), Peugeot (France), BMW (Germany)

ROBOT SƠN MÀU | ROBOT PAINTING COLOR

- ▶ Số lượng Robot/ Robot Quantity: 10
- ▶ Công suất/ Capacity: 160,000 sets/year

- ▶ Công nghệ Nhật, phun sơn tự động, hệ thống cấp sơn tuần hoàn, phòng điều khiển trung tâm, hệ thống Camera giám sát & hệ thống quản lý trực quan.

Japan technology; automatic spraying paint, paint curcirlation system, control center room, camera monitoring system, visual management system



Phòng điều khiển trung tâm
Control center room



Hệ thống camera giám sát
Camera monitoring system

■ DÂY CHUYỀN ROBOT SƠN | ROBOT PAINTING LINE



HỆ THỐNG
CẤP SƠN TUẦN HOÀN
PAINT
CURCIRLATION SYSTEM



HỆ THỐNG
CẤP SƠN TUẦN HOÀN
PAINT
CURCIRLATION SYSTEM



HỆ THỐNG BĂNG TẢI
CONVEYOR SYSTEM



HỆ THỐNG
QUẢN LÝ TRỰC QUAN
VISUAL
MANAGEMENT SYSTEM

■ DÂY CHUYỀN Đùn ỚNG NHỰA HDPE Ø(355÷800)MM
HDPE EXTRUDED PIPE LINE Ø(355÷800)MM



- ▶ Đường kính ống/ Pipe diameter: Ø355 - 800 mm
- ▶ Công suất hóa dẻo/ Plasticizing capacity: 800 ~1,000 kg/h
- ▶ Công suất động cơ trục chính/ Spindle motor power: 355 kW
- ▶ Năng lực sản xuất: 9,300 m/tháng/ Production capacity: 9,300m/month



THIẾT BỊ IN THÔNG SỐ
SPECIFIC PRINTING EQUIPMENT



THIẾT BỊ KÉO SẢN PHẨM
PULLING PRODUCT EQUIPMENT

■ DÂY CHUYỀN Đùn VÁCH NHỰA: SJSZ - 80
PLASTIC EXTRUDING LINE: SJSZ - 80



- ▶ Đường kính trục vít/ Screw diameter: Ø80 mm
- ▶ Công suất hóa dẻo/ Plasticizing capacity: 200 ~ 400 kg/h
- ▶ Công suất động cơ trục chính/ Spindle motor power: 55 kW
- ▶ Năng lực sản xuất: 50,000 m/tháng/ Production capacity: 50,000 m/month



■ DÂY CHUYỀN Đùn PROFILE: SJZ55/120/ PROFILE EXTRUSION LINE: SJZ55/120

- ▶ Đường kính trục vít/ Screw diameter: Ø80mm
- ▶ Công suất hóa dẻo nhựa: 200~400 (kg/giờ)/ Plasticizing capacity: 200~400 (kg/hour)

■ DÂY CHUYỀN ĐÙN NẸP NHỰA: S750

PRODUCTION LINE OF ELECTRICAL EXTRUSION PLASTIC TRUNKING: S750



- ▶ Đường kính trục vít/ Screw diameter: Ø51 mm
- ▶ Công suất hóa dẻo/ Plasticizing capacity: 80 - 120 Kg/h
- ▶ Công suất động cơ chính/ Spindle motor power: 18.5 Kw
- ▶ Năng lực sản xuất: 25,000 mét/tháng/ Production capacity: 25,000 m/month



MÁY ÉP ĐÙN
EXTRUDING MACHINE



CHUYỀN ĐỊNH HÌNH SẢN PHẨM
PRODUCT SHAPE FORMING LINE

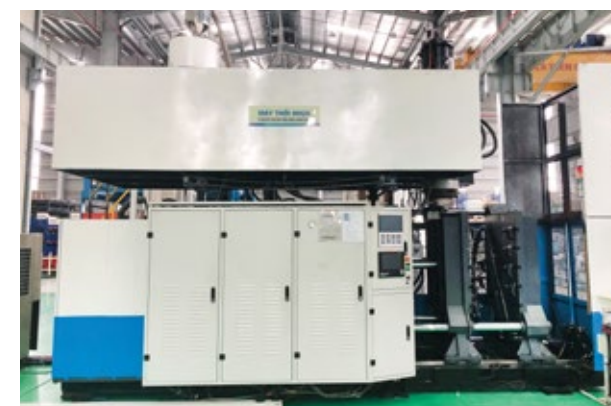
■ DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT NHỰA THỔI

PLASTIC BLOWING PRODUCTION LINE



Dây chuyền được đầu tư các máy móc hiện đại như: Máy thổi can nhựa 10L – 30L, máy thổi nhựa từ 0.5L – 5L...

The line is invested with modern machines such as: Plastic can blowing machine from 10L to 30L , plastic blowing machine from 0.5L to 5L...



MÁY THỔI NHỰA 01
EXTRUSION BLOW MOLDING MACHINE NO .01

Khối lượng hoá dẻo nhựa: 145 - 150 kg/giờ
Plasticizing capacity: 80 kg/hours

Vật liệu sản phẩm/ Material: HDPE, LDPE, ABS,...



MÁY THỔI NHỰA 02
EXTRUSION BLOW MOLDING MACHINE NO .02

Khối lượng hoá dẻo nhựa: 150 kg/giờ
Plasticizing capacity: 80 kg/hours

Vật liệu sản phẩm/ Material: ABS,...



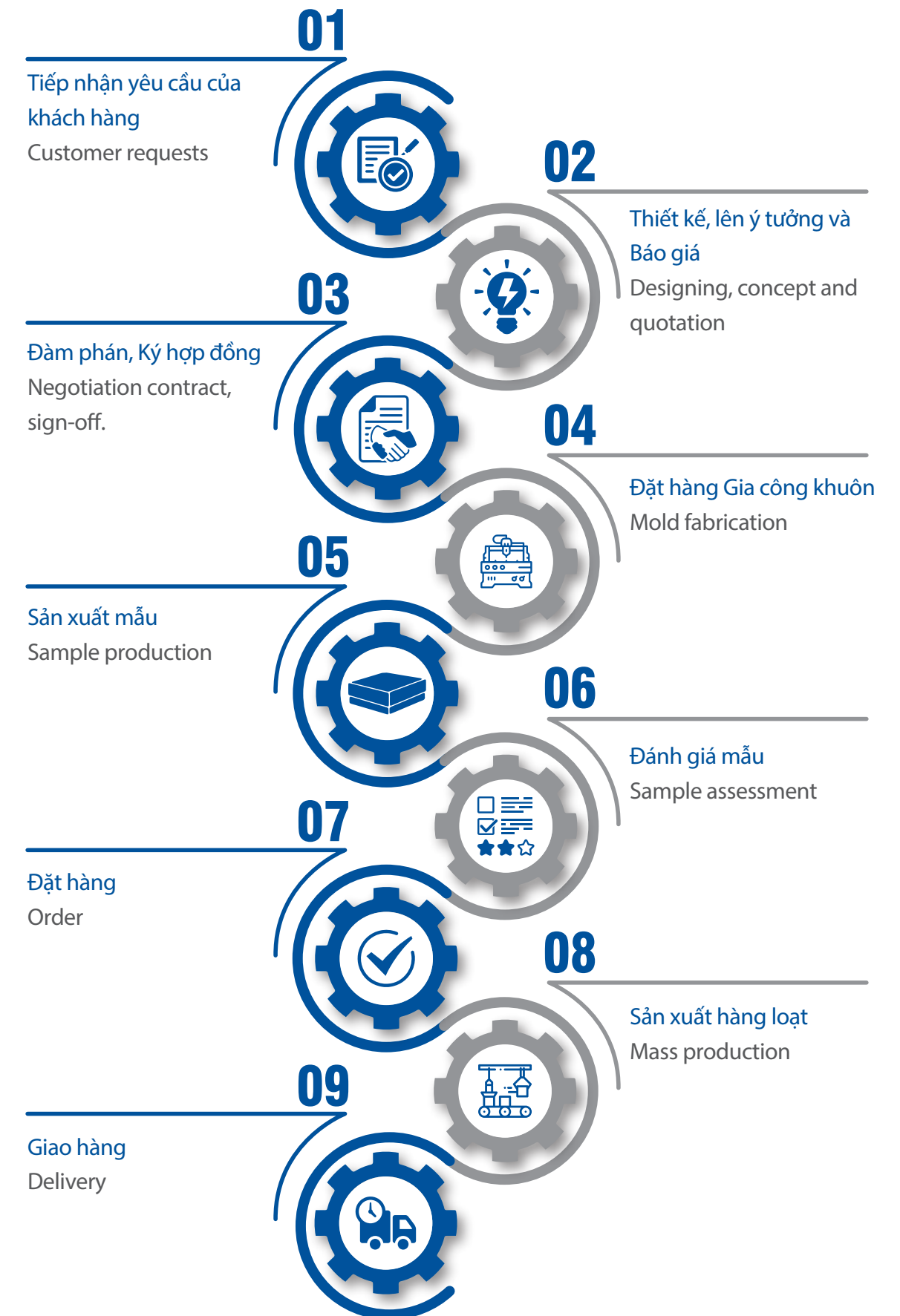
Công ty TNHH sản xuất Linh kiện Nhựa THACO đặc biệt chú trọng phát triển hoạt động R&D thông qua việc nhận chuyển giao và ứng dụng công nghệ mới, tập trung nghiên cứu cải tiến quy trình sản xuất, nghiên cứu sản phẩm và công nghệ sản xuất mới, từng bước chuẩn hóa quy trình công nghệ nhằm tối ưu hóa dây chuyền sản xuất, giúp giảm chi phí và nâng cao năng suất.

Đặc biệt đội ngũ nhân sự có kinh nghiệm trong lĩnh vực thiết kế sản phẩm nhựa ép phun từ khâu thiết kế 3D, mô phỏng tính bền, phân tích chọn nguyên liệu, tính toán số lòng khuôn đến sản xuất thử đánh giá và áp dụng vào sản xuất hàng loạt. Có kinh nghiệm nhiều năm làm việc với các đối tác Kia Motors Corporation (KMC), Mazda Corporation (MC), Peugeot trong việc phát triển các sản phẩm linh kiện nhựa xe du lịch bao gồm các công đoạn: Ép phun nhựa, sơn, lắp ráp linh kiện nhựa.

THACO Plastic Components Manufacturing company pays great attention to R&D activity through transferring and applying new technology, innovating production processes, researching new products and new production techniques, gradually standardizing manufacturing procedures to optimize the production lines, reduces costs and improves productivity.

Especially, staffs have experiences in the field of designing plastic injection molding product (from 3D design, durability simulation, analyzing raw materials, calculating the quantity of cavity to evaluation and pressure test production, mass production). They have many years of experience working with partners such as Kia Motors Corporation (KMC), Mazda Corporation (MC), Peugeot in the development of passenger car plastic components through production stages: Plastic injection, painting, assembling plastic components.

QUY TRÌNH NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM
PRODUCT RESEARCH AND DEVELOPMENT PROCESS



CHỨNG NHẬN QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG | ENVIRONMENT MANAGEMENT SYSTEM



CHỨNG NHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG | QUALITY MANAGEMENT SYSTEM



■ TRONG NƯỚC | CUSTOMERS



XUẤT KHẨU | EXPORT

